

## TÌNH HÌNH SỞ HỮU RUỘNG ĐẤT Ở BẮC TRUNG KỲ THỜI THUỘC PHÁP

Trần Vũ Tài<sup>(\*)</sup>

Bắc Trung Kỳ (Nord - Annam) theo cách phân chia của người Pháp gồm các tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh để phân biệt với Trung Trung Kỳ (Centre - Annam) gồm các tỉnh từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi và Nam Trung Kỳ (Sud - Annam) gồm các tỉnh từ Bình Định đến Bình Thuận. Đây là khu vực có nhiều nét tương đồng về địa lý tự nhiên - xã hội, có nhiều tiềm năng để phát triển kinh tế nông nghiệp, có sức hấp dẫn đối với các nhà canh nông. Để hạn chế ảnh hưởng của chính quyền Nam triều, thực dân Pháp đã chú ý đến những vùng đất "bảo hộ". Do tác động khách quan của quá trình khai thác, nông nghiệp Bắc Trung Kỳ có những chuyển biến đáng kể theo hướng tư bản chủ nghĩa. Sự chuyển biến đó tác động đến tình hình kinh tế - xã hội, thay đổi diện mạo nông nghiệp, nông thôn khu vực này, sở hữu ruộng đất cũng có những biến đổi sâu sắc.

### 1. Ruộng đất công làng xã

Trước khi triều Nguyễn và thực dân Pháp thoả thuận kí Hiệp ước Patenôtre,

sở hữu ruộng đất ở đây nhìn chung tồn tại dưới hai hình thức chủ yếu là nhà nước và tư nhân. Ruộng đất sở hữu nhà nước gồm 2 loại: Ruộng đất do nhà nước phong kiến trực tiếp quản lý và ruộng đất công làng xã. Ruộng đất do nhà nước quản lý có 3 hình thức chủ yếu là: tịch điền, quan điền quan trại và đồn điền. Triều Nguyễn đã có chính sách nhằm duy trì ruộng công làng xã nhưng bất lực. Vì thế, cũng giống như cả nước, ruộng công ở Bắc Trung Kỳ tiếp tục bị xâm chiếm và thu hẹp dần. Theo các nguồn địa bạ thời kỳ này, "tổng diện tích ruộng đất tư ở nhiều huyện đã chiếm hơn 80 tổng diện tích ruộng đất"[10]. Theo *Quốc triều điển lệ lược biên*, đến những năm 1839-1840 tổng diện tích ruộng đất Thanh Hoá có 202.604 mẫu ruộng, chia thành 186.606 mẫu ruộng tư (chiếm tỷ lệ 92%) và 15.998 mẫu ruộng công (chỉ chiếm tỷ lệ 8%). Theo *Địa bạ triều Thành Thái*, sao lại địa bạ thời Tự Đức, tình hình sở hữu ruộng đất công tư ở một số xã, tổng thuộc 2 tỉnh Nghệ - Tĩnh như sau:

<sup>(\*)</sup> Khoa Lịch sử, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN.

**Bảng 1:** Tình hình ruộng công, tư ở một số vùng thuộc hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh dưới triều Tự Đức [1]

Phủ, huyện	Tổng	Thôn, xã	Ruộng công	Ruộng tư
Chân Lộc	Thượng Xá	Vạn Lộc	4 m	16 m
	Ngô trường	Yên Trường	43m7s	878m6s
	Kim Nguyên	Cao Xá	14m1s	240m9s
	Đặng Xá	Đặng Điền	465m5s	1.482m1s
Hưng Nguyên	La Hoàng	Hải Thanh	21m7s	77m 1s
	Hải Đô	Thanh Tiến	42m6s	187m1s
	Đô Yên	Thái Lão	42m9s	1232m4s
	Thông Lãng	Trung Mâu	62m8s	594m7s
Nam Đường	Đại Đồng	Đông Luân	37m1s	1.093m8s
	Hoa Lâm	Đông Xuân	187m1s	887m3s
	Lâm Thịnh	Gia Lạc	15m3s	2.002m9s
	Nôn Liễu	Nôn Hồ	8m9s	920m8s
Quy nh Lưu	Phú Hậu	Mỹ Hoà	16m	156m9s
	Thanh Viên	Văn Phúc	15m	42m5s
	Quy nh Lâm	Vĩnh Yên	48m5s	16m4s
	Hoàng Mai	Bảo Yên	111m 3s	321m6s
Đông Thành	Quan Trung	Bảo Sàng	217m3s	1.474m8s
	Vân Tụ	Tiên Nông	704m5s	807m5s
	Quý Trạch	Quý Dương	279m5s	43m8s
Nghị Xuân	Đan Hải	Đan Phố	12m7s	77m5s
	Cổ Đạm	Phú Lạp	3m6s	41m6s
	Tam Đăng	Hoa Phẩm	62m7s	223m2s
<b>Tổng</b>			<b>2416m4s</b>	<b>12.827m6s</b>

Theo bảng thống kê trên, phân bố diện tích ruộng đất công tư ở các thôn xã, tổng, phủ huyện ở Nghệ-Tĩnh không giống nhau. Nhìn chung, tỷ lệ ruộng tư chiếm ưu thế. Tổng hợp số liệu thống kê thì ruộng công có 2.416 mẫu 4 sào (chiếm tỷ lệ 15,8%), ruộng tư có 12.827 mẫu 6 sào (tỷ lệ 84, 2%).

Sang thời thuộc địa, chế độ ruộng công vẫn được duy trì ở một mức độ nhất định. So với đầu thế kỷ XIX, tỷ lệ công

điền ở Trung Kỳ không những không giảm mà lại tăng lên. Cá biệt, có những nơi ruộng công nhiều hơn ruộng tư như Quảng Bình (ruộng công chiếm tỷ lệ gần 70%), Quảng Trị (chiếm 53%)<sup>(3)</sup>. Khác với tình hình chung ở trong xứ, các tỉnh thuộc Bắc Trung Kỳ có tỷ lệ ruộng công thấp nhất. Dưới đây là tình hình ruộng công ở các tỉnh trong khu vực này vào những năm 1930.

**Bảng 2:** Cơ cấu ruộng công ở Bắc Trung Kỳ thời kỳ 1931-1937 [11; tr.107,149,193]

Tỉnh	Ruộng công (ha)		Cộng (ha)	Tổng DT canh tác (ha)	Tỷ lệ ruộng công (%)
	Canh tác	Bỏ hoang			
Thanh Hoá	20.130	5. 335	25. 465	145. 000	17,5
Nghệ An	14. 623	3. 126	17. 749	89. 500	19,8
Hà Tĩnh	7. 664	2. 042	9. 706	61. 000	15,9

Theo bảng trên, các tỉnh Bắc Trung Kỳ có tỷ lệ ruộng công tương đối thấp so với xứ Trung Kỳ. Nghệ An có tỷ lệ ruộng công cao nhất, cũng chỉ chiếm tỷ lệ 19,8%, Hà Tĩnh có tỷ lệ ruộng công thấp nhất, chiếm 15,9%. Một phần lớn ruộng công bị bỏ hoang: 5.335 ha (tỷ lệ 20,9%) ở Thanh Hoá, 3.126 ha (17,6%) ở Nghệ An, 2.042 ha (21%) ở Hà Tĩnh. Trung bình tỷ lệ ruộng công so với tổng diện tích ruộng đất ở Bắc Trung Kỳ là 17,7%. Như vậy, ruộng công ở Bắc Trung Kỳ rất thấp so với tình hình chung ở xứ Trung Kỳ (ruộng công chiếm 25%) nhưng vẫn còn tương đối cao nếu so với Nam Kỳ (tỷ lệ ruộng công chỉ còn 3,6 %).

*Tình trạng ruộng công ở Bắc Trung Kỳ bị thu hẹp trước hết là do mức độ chiếm đoạt ruộng đất của thực dân, địa chủ phong kiến ngày càng lớn.* Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, nhiều điền chủ người Pháp lẫn người Việt đổ xô chiếm đoạt đất đai lập đồn điền trồng lúa và cây công nghiệp. Riêng ở Thanh Hoá, đến năm 1928, đã có 23 đồn điền của người Âu với tổng diện tích lên tới 8.260 ha. Tính đến năm 1931, diện tích đất đai bị nhượng cho các điền chủ ở Bắc Trung Kỳ lên tới 37.114 ha, phân bố như sau:

**Bảng 3. Diện tích ruộng đất bị cấp nhượng ở Bắc Trung Kỳ tính đến năm 1931 [5]**

Tỉnh	Nhượng tạm thời	Nhượng hẳn
Thanh Hoá	10.529 ha	6. 865 ha
Nghệ An	13.406 ha	3.257 ha
Hà Tĩnh	1.844 ha	1.213 ha
<b>Tổng cộng</b>	<b>25.779 ha</b>	<b>11. 335 ha</b>

Theo thống kê trên, tổng cộng diện tích ruộng đất mà các điền chủ được cấp

nhượng (gồm nhượng tạm thời và nhượng hẳn) ở Bắc Trung Kỳ lên tới 37.114 ha. Năm 1931, diện tích canh tác ở Bắc Trung Kỳ là 295.500 ha (theo *Niên giám thống kê Đông Dương*) thì ruộng đất mà điền chủ Pháp cướp đoạt lập đồn điền chiếm tỷ lệ 12,5% (gần bằng phần ruộng công). Trên thực tế, đất đai mà các điền chủ bao chiếm trong quá trình khai thác đồn điền lớn hơn con số thống kê. Thông thường, các điền chủ mở rộng sự khai khẩn xung quanh diện tích được cấp nhượng. Đồng thời họ thương lượng với dân cư địa phương (thông qua hội đồng kỳ mục) để mua rẻ thêm một số đất canh tác của họ. Ví dụ đồn điền Yên Mỹ được khai phá năm 1912, diện tích lúc đầu chỉ vài trăm ha nhưng đồn điền không ngừng được mở rộng: 2.950 ha năm 1928 và 4.500 ha năm 1932, nhiều hơn gấp nhiều lần so với diện tích xin cấp nhượng ban đầu.

Từ 1920 đến 1930 là khoảng thời gian mà địa chủ Bắc Trung Kỳ phát triển nhanh về tiềm lực kinh tế. Được sự dung dưỡng của chính quyền thực dân, địa chủ người Việt cũng ra sức bao chiếm ruộng đất để lập những trại ấp rộng lớn. Ở Thanh Hoá, diện tích ruộng đất mà các địa chủ bao chiếm lập trại ấp lên tới 9.870 mẫu (khoảng 4.935 ha). Bên cạnh đó, địa chủ Nhà Chung cũng bao chiếm một phần ruộng đất đáng kể. Ruộng đất thuộc sở hữu của nhà thờ Thiên chúa giáo được mở rộng bằng nhiều hình thức khác nhau: từ việc mộ giáo dân khai khẩn, ban cấp của chính quyền đến ruộng đất do con chiên hiến tặng. Đơn cử như nhà Chung Xã Đoài (Nghệ An) đã chiếm tới 7.660 mẫu.

*Chính quyền thuộc địa còn tiến hành dồn dân, chiếm đất để mở rộng các hoạt động kinh tế, quân sự.* Hơn 100 mẫu ruộng đất ở làng Yên Dũng (Hưng Nguyên) bị thu hồi để lập sân bay Vinh, nhiều diện tích ruộng đất ở Vinh - Bến Thuỷ bị biến thành công xưởng... Ruộng đất mà điền chủ người Pháp, địa chủ người Việt, địa chủ nhà Chung chiếm đoạt để lập đồn điền, trại ấp; đất đai bị thu hồi cho các công trình công cộng ở Bắc Trung Kỳ khá lớn là nguyên nhân quan trọng khiến ruộng đất công ở đây bị sụt giảm đáng kể.

*Nguyên nhân thứ hai là người nông dân Bắc Trung Kỳ không có điều kiện để giữ phần ruộng công ít ỏi.* Sự bần cùng hoá buộc họ phải cầm cố ruộng đất. Ruộng công dần dần rơi vào tay một bộ phận địa chủ, hào lý ở địa phương. Thực tế, phần ruộng công để chia cho nông dân cũng chẳng được bao nhiêu bởi một phần diện tích ruộng công được sử dụng vào những mục đích chung của cộng đồng như ruộng làng, ruộng tư vấn, ruộng chùa, đình, ruộng họ, ruộng xóm... Dân cày thường thiếu ăn và phải cầm cố ruộng đất. Họ không có đủ vốn liếng để canh tác, vay vốn của ngân hàng Nông phố thì lãi suất quá cao, nếu quá hạn không trả kịp thì phải thế ruộng. Bên

cạnh đó, nạn tham ô, nhũng nhiễu của quan lại, cường hào địa phương khiến dân tình phải tử cực. Muốn được chia ruộng phải có lễ lạt, phần ruộng công dễ bị cắt nếu trái ý quan trên. Điều kiện được chia ruộng và duy trì ruộng công đối với người nông dân Bắc Trung Kỳ rất khó khăn, đó cũng là nguyên nhân khiến cho ruộng công dần bị biến thành ruộng tư.

## 2. Ruộng đất thuộc sở hữu tư nhân

Ruộng đất ở Bắc Trung Kỳ vốn đã manh mún, quyền sở hữu ruộng đất bị chia nhỏ, nhất là ở loại hình sở hữu tiểu nông. Quá trình khai thác thuộc địa của thực dân Pháp khiến ruộng đất có xu hướng ngày càng tập trung với tốc độ nhanh và quy mô lớn. Sau chiến tranh thế giới I, mô hình sở hữu lớn ruộng đất ngày càng phát triển. Ở Bắc Trung Kỳ xuất hiện nhiều đồn điền rộng hàng nghìn hecta.

Tình trạng kinh doanh phân tán, ruộng đất manh mún, sở hữu bị chia nhỏ trong nông nghiệp Bắc Trung Kỳ đã tồn tại lâu dài trong lịch sử. Đến những năm 30 của thế kỷ XX, đa phần chủ sở hữu chỉ có 1 mẫu trở xuống. Cơ cấu sở hữu ruộng đất ở các tỉnh Bắc Trung Kỳ những năm 1930 như sau:

**Bảng 4. Cơ cấu sở hữu ruộng đất ở Bắc Trung Kỳ vào đầu những năm 1930 [11; tr.125-128]**

Tỉnh	0-1 mẫu	1-5 mẫu	5-10 mẫu	10-50mẫu	50-100 mẫu	Trên 100
Thanh Hoá	104.388	17.050	7.682	1.918	63	4
Tỷ lệ	64,8%	29,2%	4,7%	1,2%	0,04%	0,002%
Nghệ An	74.650	21.676	4.356	1.082	90	8
Tỷ lệ	73,2%	21,3%	4,3%	1,1%	0,09%	0,007%
Hà Tĩnh	46.924	19.025	4.462	1.070	20	6
Tỷ lệ	65,6%	26,6%	6,2%	1,5%	0,02%	0,008%

Theo bảng phân loại này thì cơ cấu sở hữu ruộng đất ở Bắc Trung Kỳ vào đầu những năm 1930 gồm mấy loại như sau:

- *Sở hữu nhỏ (dưới 5 mẫu)*: Số chủ ruộng là 283.713, chiếm tỷ lệ 93,6%. Thanh Hoá và Nghệ An là 2 tỉnh có tỷ lệ sở hữu nhỏ cao nhất: 94% ở Thanh Hoá và 94,5% ở Nghệ An [11; tr.125-128].

- *Sở hữu vừa (từ 5 đến 50 mẫu)*: Số chủ ruộng là 20.570 người, chiếm tỷ lệ 6,3%. Hà Tĩnh là nơi có chủ sở hữu chiếm tỷ lệ cao hơn 2 tỉnh còn lại, ở mức 7,7%, cao hơn tỷ lệ chủ sở hữu vừa ở Trung Kỳ là 6%. Trong khi số chủ có sở hữu vừa (từ 5 đến 10 mẫu) chiếm ưu thế thì số chủ ruộng lớn hơn (có từ 10 đến 50 mẫu) lại chiếm tỷ lệ rất thấp: 1,2% ở Thanh Hoá, 1,1% ở Nghệ An và 1,5% ở Hà Tĩnh [11; tr.125-128].

- *Sở hữu lớn (trên 50 mẫu)*: Số chủ sở hữu chỉ có 191 người, chiếm tỷ lệ rất thấp, chưa đến 0,1%. Trong đó, chủ yếu là chủ sở hữu có số ruộng từ 50 đến 100 mẫu. Còn số chủ sở hữu trên 100 mẫu thì rất hiếm, chỉ có 18 người (Thanh Hoá: 4, Nghệ An: 8 và Hà Tĩnh: 6) [11; tr.125-128].

Như vậy, ruộng đất ở Bắc Trung Kỳ manh mún, số chủ ruộng có sở hữu nhỏ và vừa (dưới 50 mẫu) chiếm tỷ lệ hơn 99,9%, số chủ có sở hữu lớn (trên 50 mẫu) chỉ chiếm chưa đầy 0,1%. Tình trạng sở hữu bị chia nhỏ như vậy là vì mấy nguyên nhân sau:

*Một là*, phương thức kinh doanh phân tán theo lối kinh tế cá thể. Mỗi hộ nông dân chỉ có đủ khả năng về lao động, vốn liếng, nông cụ, chăm bón... cho ít

mảnh ruộng nhà mình, nên ruộng đất đã bị chia nhỏ, manh mún.

*Hai là*, phương thức bóc lột phong kiến tìm cách duy trì và phát triển tình trạng chia cắt. Chủ ruộng thường chia ruộng đất thành từng mảnh nhỏ, độ vài sào phát canh cho tá điền để bóc lột nhân công. Điều kiện canh tác của nông dân rất bấp bênh, gặp những năm mất mùa, họ phải cầm cố một phần ruộng đất của mình cho địa chủ.

*Ba là*, Bắc Trung Kỳ là nơi đông dân, diện tích canh tác ít, ruộng đất buộc phải chia nhỏ. Mật độ dân số ở Bắc Trung Kỳ vào loại cao nhất ở Trung Kỳ, lại tập trung chủ yếu ở đồng bằng (năm 1931, mật độ dân số ở Thanh Hoá là 85 người/1km<sup>2</sup>, ở Nghệ An là 38 người/1km<sup>2</sup>, ở Hà Tĩnh là 65 người/1km<sup>2</sup>, cao hơn mức trung bình toàn xứ Trung Kỳ là 33 người/1km<sup>2</sup>). Mật độ dân số cao khiến cho diện tích ruộng đất tính theo đầu người giảm. Số ruộng đất tính theo đầu người ở Bắc Trung Kỳ vào loại thấp nhất cả nước: 0,168 ha/ người ở Thanh Hoá, 0,144 ha/người ở Nghệ An, 0,153 ha/ người ở Hà Tĩnh [7].

*Ngoài ra*, điều kiện tự nhiên cũng là một nguyên nhân làm cho tình trạng ruộng đất bị chia nhỏ. Đồng bằng ở Bắc Trung Kỳ không bằng phẳng, khí hậu lại khắc nghiệt. Để giữ nước cho các chân ruộng, nông dân phải đắp nhiều bờ để ngăn nước từ ruộng cao xuống ruộng thấp nên ruộng đất ở Bắc Trung Kỳ chi chít bờ vùng, bờ thửa.

Đối lập với tình trạng manh mún, sở hữu bị chia nhỏ của nông dân là xu

hướng tập trung ruộng đất ngày càng cao của giai cấp địa chủ. Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, mức độ chiếm đoạt ruộng đất của địa chủ phong kiến diễn ra

với tốc độ nhanh và quy mô lớn. Số lượng, quy mô đồn điền không ngừng được mở rộng, được thể hiện qua bảng thống kê sau:

**Bảng 5. Số lượng và quy mô đồn điền ở Bắc Trung Kỳ giai đoạn 1919 – 1945 [8]**

Tỉnh	0->50ha	50->100ha	100->500ha	500->1000ha	1000->2000ha	Trên 2000ha	Cộng
Thanh Hoá	23	10	19	7	2	1	62
Nghệ An	1	3	8	1		2	15
Hà Tĩnh	2		2	2	2		8

Theo số liệu thống kê trên, Thanh Hoá là nơi có số lượng đồn điền lớn nhất ở Bắc Trung Kỳ (62 đồn điền, trong đó có 39 đồn điền rộng trên 50 ha, chiếm tỷ lệ gần 63%). Hai đồn điền lớn nhất ở Thanh Hoá là đồn điền Yên Mỹ thuộc Công ty Nông lâm nghiệp có diện tích lên tới 4.500 ha và đồn điền Như Xuân của Công ty đất đỏ Thanh Hoá có diện tích 1.500 ha. Nghệ An và Hà Tĩnh có số lượng đồn điền ít hơn nhưng quy mô đồn điền lại rất lớn, riêng 2 đồn điền Lapich và công ty (Lapic et Société), Walther đã có diện tích lên tới 13.560 ha. Nhìn chung, các đồn điền của người Pháp đều có diện tích trên 300 ha, tổng cộng diện tích lên tới hơn 37.000 ha (bảng 6).

Cùng với thực dân Pháp, địa chủ người Việt cũng ra sức bao chiếm đất đai lập trại ấp. Mức độ tập trung ruộng đất vào giai cấp địa chủ ngày càng lớn. Số lượng trại ấp của người Việt có trên 100 mẫu (khoảng 50 ha) ở Bắc Trung Kỳ xuất hiện ngày càng nhiều. Thậm chí có những trại ấp quy mô lên tới 1.000 mẫu như của Trần Viết Soạn (ở Mỹ Hoá-Yên Định), Nguyễn Hữu Ngọc (ở Triệu Sơn), Trần Văn Bản (ở Di Linh-Triệu Sơn) hoặc lớn hơn 1.000 mẫu như của hai cha con Trần Hiến Bạch, Trần Thuý Doanh (có 3.000 mẫu ở Quỳnh Lưu), Bùi Huy

Tín (ở Hương Sơn), Nguyễn Tiên Sô (ở Kỳ Anh có 2.200 mẫu), Trần Xu (ở Can Lộc)... Thống kê về các trại ấp lớn cho biết diện tích lên tới 27.570 mẫu (khoảng 13.785 ha)(xem bảng 7)

### 3. Một vài nhận xét

Khác với tình hình chung ở trong xứ Trung Kỳ - nơi mà tỷ lệ ruộng đất công còn tương đối lớn (trung bình là 25%) thì ở Bắc Trung Kỳ, ruộng đất công ngày càng bị thu hẹp. Cuối thế kỷ XIX, ruộng đất công ở khu vực này không những không giảm mà lại tăng lên do đất đai ở vùng trung du, rừng núi, đất phù sa ven sông, ven biển chưa được canh tác; đất đai bị hoang hoá do những biến động chính trị, ruộng đất của nghĩa quân Cần Vương bị tịch thu... Chính quyền thực dân đã hợp thức hoá các loại ruộng đất đó thành "công điền, công thổ". Quá trình khai thác thuộc địa của thực dân Pháp khiến cho diện tích ruộng đất công bị thu hẹp dần. Cho đến những năm 30 của thế kỷ XX, diện tích ruộng đất công chỉ chiếm trên dưới 17%. Diện tích ruộng đất công bị thu hẹp mở đường cho sở hữu ruộng tư và xu hướng tập trung ruộng đất phát triển.

Ruộng đất ở Bắc Trung Kỳ có nhiều loại hình khác nhau: ruộng đất công làng

xã, ruộng đất tư hữu của tiểu nông, ruộng đất của địa chủ phong kiến, địa chủ nhà Chung, ruộng đất của thực dân Pháp. Diễn biến sở hữu theo hướng ruộng công bị thu hẹp, ruộng tư phát triển; đối lập với tình trạng manh mún của các hộ tiểu nông là xu hướng tập trung ruộng đất ngày càng cao của thực dân, địa chủ. Quá trình thực dân hoá đã du nhập những quan hệ TBCN vào nông thôn Bắc Trung Kỳ. Quan hệ đó “thống trị một cách trực tiếp ở những đồn điền và doanh nghiệp của người Pháp, và ít hay nhiều đã thống trị một cách gián tiếp những nơi trồng trọt và những sở hữu bản xứ”.

Xu hướng tập trung ruộng đất vào tay thực dân, phong kiến ngày càng diễn ra với quy mô lớn. Đặc biệt là sau chiến tranh thế giới thứ nhất, nhiều điền chủ người Pháp đã đổ xô xin nhượng đất lập đồn điền; theo chân họ là các địa chủ người Việt cũng bao chiếm ruộng đất để lập những trại ấp rộng lớn. Với đặc điểm là vùng đất tiếp giáp giữa Bắc Kỳ và Trung Kỳ, lại có những điều kiện tự nhiên thuận lợi nên Bắc Trung Kỳ đã có sức hấp dẫn lớn đối với các nhà canh nông. So với các nơi khác của Trung Kỳ, hoạt động khai khẩn của người Pháp ở Bắc Trung Kỳ diễn ra khá mạnh mẽ, đặc biệt là ở Thanh Hoá.

Tuy xuất hiện muộn hơn so với các khu vực khác trong cả nước nhưng sau chiến tranh thế giới thứ nhất, hệ thống

đồn điền ở Bắc Trung Kỳ được thực dân Pháp tập trung củng cố và mở rộng. Đồn điền của người Pháp phân bố chủ yếu ở miền trung du – nơi có vùng đất đỏ bazan màu mỡ. Đất đai trong các đồn điền được sử dụng để trồng cây công nghiệp và chăn nuôi đại gia súc. Cây cà phê chiếm một vị trí quan trọng trong canh tác ở các đồn điền. Trước khi phát hiện ra vùng đất Tây Nguyên, thực dân Pháp có ý định biến Bắc Trung Kỳ thành nơi trồng và xuất khẩu cà phê lớn nhất Đông Dương. Bởi vậy, có thể xem đây là một hành động “vội tay” của giới thực dân ở Bắc Kỳ vì đa số các điền chủ ở đây đều là các nhà canh nông có kinh nghiệm ở Bắc Kỳ. Kinh tế đồn điền phát triển là một nhân tố quan trọng thúc đẩy những chuyển biến của nông nghiệp Bắc Trung Kỳ.

Mô hình sở hữu lớn tạo điều kiện cho việc du nhập phương thức sản xuất TBCN nhưng cũng thúc đẩy tình trạng vô sản hoá của nông dân. Đúng như Ch.Robequain nhận xét: “Chế độ sở hữu lớn được phát triển từ khi Pháp chiếm đóng, và do đó nhiều người chủ ruộng nhỏ đã bị biến thành những tá điền tầm thường” [4]. Quá trình cướp đoạt ruộng đất lập đồn điền, trại ấp của thực dân, phong kiến đã đẩy người nông dân tới tình trạng phá sản, bán cùng. Đó là lý do giải thích vì sao Bắc Trung Kỳ trở thành một cái nôi của phong trào cách mạng trong thời kỳ cận - hiện đại.

**Bảng 6. Danh mục đồn điền của người Pháp ở Bắc Trung Kỳ từ 1919 đến 1945 [9]**

TT	Chủ đồn điền	Đồn điền	Diện tích(ha)
1	Loisy	Bím Sơn - Hà Trung - Thanh Hoá	300
2	Moreau	Cổ Đàm - Hà Trung - Thanh Hoá	500
3	Prompt	Quý Hương - Hà Trung - Thanh Hoá	600

4	Leon Michelin	Ngọc Trọ – Thạch Thành – Thanh Hoá	500
5	Người Pháp	Vân Du – Thạch Thành – Thanh Hoá	500
6	Marcou	Điền Trạch – Thọ Xuân – Thanh Hoá	240
7	Ellis Mathee	Mã Hùm – Thọ Xuân – Thanh Hoá	600
8	R.P.Hartin	Phúc Địa – Thọ Xuân – Thanh Hoá	400
9	Louis Thomar	Mỹ Lộc – Yên Định – Thanh Hoá	440
10	Vergnieres	Phúc Do – Cẩm Thủy – Thanh Hoá	1.500
11	Delavet	Phong ý – Cẩm Thủy – Thanh Hoá	90
12	Canilhac	Hữu Thủy – Quan Hoá – Thanh Hoá	540
13	Louis Sreycra	Vạn Lại – Ngọc Lặc – Thanh Hoá	1.000
14	Martine	Nạp Bạng – Tĩnh Gia – Thanh Hoá	200
15	Guyăngtoan	Yên Tập – Hoằng Hoá – Thanh Hoá	50
16	Cty Nông lâm nghiệp Yên Mỹ	Yên Mỹ – Nông Cống – Thanh Hoá	4.500
17	Gauthier	Ngọc Chảm – Nông Cống – Thanh Hoá	360
18	Anould	ác Nun – Nông Cống – Thanh Hoá	500
19	Hug Guillaume	Mỹ Cái – Triệu Sơn – Thanh Hoá	300
20	Jarpin	Ban Thai – Nông Cống – Thanh Hoá	40
21	Người Pháp	Bãi áng – Nông Cống – Thanh Hoá	1.000
22	Công ty đất đỏ Thanh Hoá	Xuân Hoà - Như Xuân – Thanh Hoá	1.500
23	Jean Alaise	Đông Kinh – Như Xuân – Thanh Hoá	50
24	C.ty Nông lâm nghiệp Đông Dương	Bến Nại ( Phố Cát) - Như Xuân – Thanh Hoá	50
25	Cổ đạo	Nga Sơn – Thanh Hoá	50
26	Bournet Jacques	Nam Bao – Thạch Thành – Thanh Hoá	22
27	Lapic et Sociée	Nghĩa Hưng – Nghĩa Đàn - Nghệ An	7.560
28	Walther	Đông Hiếu, Tây Hiếu - Nghĩa Đàn - Nghệ An	6.000
29	Saintard	Nghĩa Hợp – Nghĩa Đàn - Nghệ An	500
30	Marothe	Cát Mộng – Quý Châu - Nghệ An	418
31	Satơ	Nghĩa Hưng – Nghĩa Đàn - Nghệ An	350
32	Brunteau	Thạch Khê – Nghĩa Đàn - Nghệ An	300
33	Maccanh	Cao Trại – Nghĩa Đàn - Nghệ An	130
34	Galie	Hữu Lập – Nghĩa Đàn - Nghệ An	40
35	Muton	Yên Tâm – Nghĩa Đàn - Nghệ An	60
36	Thoma	Nghĩa Hưng – Nghĩa Đàn - Nghệ An	100
37	Klingler	Phương Mỹ – Yên Thành - Nghệ An	400
38	Paul Hugon	Võ Liệt - Thanh Chương - Nghệ An	300
39	Kuter Emile	Quỳnh Lâm – Quỳnh Lưu - Nghệ An	180
40	Chavanon	Văn Lâm – Quỳnh Lưu - Nghệ An	120
41	Coudox	Tây An, Thảm Dâu (Hương Khê) - Hà Tĩnh	1.000
42	Bordet	Hà Tân – Hương Sơn - Hà Tĩnh	1.500
43	Ferrey	Sông Con – Hương Sơn - Hà Tĩnh	280
44	Charet	Voi Bồ – Hương Sơn - Hà Tĩnh	500
<b>Cộng</b>			<b>37.114</b>



**Bảng 7: Danh sách trại ếp, đồn điền của địa chủ Bắc Trung Kỳ từ 1919 đến 1945 [9]**

TT	Địa chủ	Trại ếp, đồn điền	DT(mẫu)
1	Nguyễn Lan Hương	Ngọc Bờ - Thạch Thành - Thanh Hoá	300
2	Hà Văn Ngoạn	Nhân Phú - Thạch Thành, Làng Công, Bái Thôn - Vĩnh Lộc - Thanh Hoá	900
3	Trần Viết Soạn	Mỹ Hoá - Yên Định - Thanh Hoá	1.000
4	Nguyễn Hữu Ngọc	Văn Lâm - Quảng Xương - Thanh Hoá	300
5	Nguyễn Thị Từ	Xa Thư - Quảng Xương - Thanh Hoá	280
6	Tham Nhỏ	Câu Đồng - Quảng Xương - Thanh Hoá	100
7	Ứng Dinh	Tiền Thôn - Quảng Xương - Thanh Hoá	280
8	Khái Cực	Quảng Cát - Quảng Xương - Thanh Hoá	100
9	Cai Khánh	Đồng Mai - Yên Định - Thanh Hoá	200
10	Hai-vanh	Yên Xuyên - Yên Định - Thanh Hoá	200
11	Hoàng Văn Khải	Ngô Xá Hạ - Thiệu Hoá - Thanh Hoá	100
12	Xếp Nghĩa	Xuân Phong - Thiệu Hoá - Thanh Hoá	150
13	Nguyễn Văn Tường	Di Hoàng - Triệu Sơn - Thanh Hoá	100
14	Trần Văn Bàn	Di Linh - Triệu Sơn - Thanh Hoá	1.000
15	Hàn Thanh	Hàn Thanh - Triệu Sơn - Thanh Hoá	500
16	Nguyễn Hữu Ngọc	Nguyễn Hữu Ngọc - Triệu Sơn - Thanh Hoá	1.000
17	Phân Thế Doanh	Đông Yên - Nông Cống - Thanh Hoá	200
18	Biểu Phu	Tháo Nợ, Cẩm Bào - Nông Cống - Thanh Hoá	500
19	Tư Bằng	Tư Bằng - Nông Cống - Thanh Hoá	200
20	Đào Duy Phiên	Đào Duy Phiên - Thanh Hoá	100
21	Nguyễn Phong Tĩnh	Nguyễn Phong Tĩnh - Thanh Hoá	100
22	Quản Tô	Quản Tô - Nông Cống - Thanh Hoá	300
23	Tôn Thất Hối	Mai Lâm, Hải Yến - Tĩnh Gia - Thanh Hoá	600
24	Nguyễn Quỳnh Thước	Hàn Thước - Triệu Sơn - Thanh Hoá	100
25	Ấm Long, Ấm Tảo	Hoàng Kim - Thọ Xuân - Thanh Hoá	100
26	Hàn Dịu, Cửu Ngoạn	Yên Lăng - Thọ Xuân - Thanh Hoá	100
27	Nguyễn Mậu Cương	Quản Hoán - Thọ Xuân - Thanh Hoá	400
28	Cụ Điểm	Cụ Điểm - Thanh Hoá	200
29	Lê Văn Quý	Yên Thái - Nghĩa Đàn - Nghệ An	425
30	Lê Văn Kéo	Tân Quang - Nghĩa Đàn - Nghệ An	215
31	Lê Bôn Đào	Tràng Trị - Nghĩa Đàn - Nghệ An	120
32	Lê Văn Vi	Nghĩa Dũng - Nghĩa Đàn - Nghệ An	405
33	Nhà Chung	Xã Đoài - Nghi Lộc - Nghệ An	7.660
34	Cổ đạo	Cầu Râm - Hưng Nguyên - Nghệ An	500
35	Trần Hiến Bạch, Trần Thuý Doanh	Trình Môn - Quỳnh Lưu - Nghệ An	3.000
36	Đậu Khuyến	Đồng Sầm - Quỳnh Lưu - Nghệ An	100
37	Thái Thị Vực	Yên Thành - Nghệ An	100
38	Đặng Văn Thụy	Diễn Châu - Nghệ An	100
39	Bá hộ Cầu	Hưng Nguyên - Nghệ An	100

40	Ký Túy	Mỹ Sơn - Anh Sơn - Nghệ An	170
41	Nghè Giá	Anh Sơn - Nghệ An	130
42	Cửu Trám	Thái Sơn - Đô Lương - Nghệ An	120
43	Thái Khắc Phẩm	Thịnh Sơn - Đô Lương - Nghệ An	120
44	Nguyễn Trường Viện	Hạnh Lâm - Thanh Chương - Nghệ An	110
45	Cửu Huê	Tân Sơn - Đô Lương - Nghệ An	120
46	Hoàng Bạt	Xuân La - Anh Sơn - Nghệ An	130
47	Cửu Đức	Lưu Sơn - Anh Sơn - Nghệ An	100
48	Bát Huế	Văn Tráng - Nghệ An	120
49	Cựu Ôn	Nam Kim - Nam Đàn - Nghệ An	120
50	Thừa Duệ	Nam Nghĩa - Nam Đàn - Nghệ An	100
51	Đề Yêm	Nam Hưng - Nam Đàn - Nghệ An	100
52	Bùi Huy Tín	Yên Lập - Hương Sơn - Hà Tĩnh	1.000
53	Nguyễn Tiến Sô	Hữu Lạc - Kỳ Anh - Hà Tĩnh	2.200
54	Trần Xu	Gia Hạnh - Can Lộc - Hà Tĩnh	1.000
55	Ngô Hách	Thạch Hà - Hà Tĩnh	120
56	Nguyễn Trọng Phấn	Thạch Hà - Hà Tĩnh	110
<b>Cộng</b>			<b>27.570</b>

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Địa bạ triều Thành Thái*, Tư liệu địa chí, Thư viện Nghệ An.
2. BCH Đảng bộ Nghĩa Đàn, *Lịch sử đảng bộ huyện Nghĩa Đàn*, tập I (1930-1945), NXB CTQG, H.1999, tr.48.
3. BNC&BS LS Nghệ Tĩnh, *Lịch sử Nghệ Tĩnh*, tập I, NXB Nghệ Tĩnh, Vinh 1984, trang 234.
4. Ch. Robequain, *L'évolution économique de l'Indochine Française*, Paris 1939, p.95.
5. L.Gilbert, *L'Annam*, Bulletin des amis du vieux Hue (B.A.V.H), số 1-2, 1931, tr.241.
6. Nguyễn Kiến Giang, *Phác qua tình hình ruộng đất và đời sống nông dân trước cách mạng tháng Tám*, NXB Sự Thật, H.1959, trang 84.
7. *Tư liệu về Trung Kỳ*, sưu tập từ Niên giám thống kê Đông Dương 1936,1937.
8. Tổng hợp từ B.A.V.H, số 1-2, *Lịch sử Nghệ Tĩnh*, (NXB Nghệ Tĩnh, Vinh 1984), *Địa chí Thanh Hoá* (NXB Thanh Hoá, 2000)
9. *Tổng hợp từ Lịch sử đảng bộ tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh; Lịch sử đảng bộ các huyện thuộc Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh.*
10. Trương Hữu Quýnh, *Sở hữu ruộng đất ở Thanh Hoá thời Nguyễn*, Kỷ yếu HTKH: Thanh Hoá thời Nguyễn (1802-1930), NXB Thanh Hoá, năm 2002, trang 131.
11. Y.Henry, *Kinh tế nông nghiệp Đông Dương*, Bản dịch của Hoàng Đình Bình (Tư liệu khoa Sử, ĐH KHXH & NV), tr.107, 149, 193, Niên giám Đông Dương năm 1936, 1937.

## LAND POSSESSION IN THE NORTH ANNAM IN THE TIME OF FRENCH DOMINATION

**Tran Vu Tai**

*Department of History  
College of Social Sciences and Humanities, VNU*

The North Annam is a place with potentiality of agriculture economy development. There fore, it got special concern from agriculturists. The colony exploiting process of French colonialists made changer in agriculture here. For this reason, this article focused on analyzing the state of cultivated land in the North Annam and changes of possessive scale from end XIX century to 1945. Besides, this topic also attempts to show features of land possession in the North Annam during the time of French domination.